

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH HƯNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST

Ngày: 30-8-2024

V/v“Tranh chấp về hui”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Viết Tuấn

Ông Huỳnh Hoàng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Mỹ T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Ông V1 có mặt; bà H vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Vạn Tứ Q (T), sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có đơn xin vắng mặt.

**Người làm chứng:** Bà Đường Thị Ngọc T1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ T trình bày:

Năm 2020, bà T có tham gia 01 dây hụi vụ 5.000.000 đồng do bà Phạm Thị H làm đầu thảo, hụi đang hoạt động bình thường thì bà H tự ý ngưng khai hụi nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 liên đới trả lại tiền hụi đã đóng, cụ thể:

Dây hụi vụ 5.000.000 đồng, 01 năm khai 02 lần (đông xuân khoảng tháng 02 âm lịch và hè thu khoảng tháng 5, tháng 6 âm lịch) bắt đầu khai vụ đông xuân 2020, gồm 15 phần. Tên bà T trong danh sách hụi bà H ghi là Tí C (là tên chồng bà T), đóng hụi được 08 lần với số tiền 22.450.000đồng. Cụ thể: Lần 1 đóng vào đông xuân 2020 số tiền 2.700.000đồng; Lần 2 đóng vào hè thu 2020 với số tiền 2.500.000đồng; Lần 3 đóng vào đông xuân 2021 với số tiền 3.000.000đồng; Lần 4 đóng vào hè thu 2021 với số tiền 2.950.000đồng; Lần 5 đóng vào đông xuân 2022 với số tiền 2.800.000đồng; Lần 6 đóng vào hè thu 2022 với số tiền 3.200.000đồng; Lần 7 đóng vào đông xuân 2023 với số tiền 2.900.000đồng; Lần 8 đóng vào hè thu 2023 với số tiền 2.400.000đồng;

Theo đơn khởi kiện ban đầu, do ghi số tiền đóng hụi chưa chính xác nên bà T yêu cầu bà H và ông V1 liên đới trả 22.800.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Nay bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà T yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền hụi bà đã đóng là 22.450.000đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Ông Nguyễn Văn V1 trình bày: Ông V1 với bà H là vợ chồng hợp pháp. Ông V1 biết bà H có mở nhiều dây hụi có nhiều người tham gia, bà H có sổ hụi theo dõi các dây hụi và ông V1 đã nộp cho Tòa án trong quá trình các hụi viên khởi kiện. Trước yêu cầu của bà T, ông V1 xác nhận bà T có tham gia 01 dây hụi vụ 5.000.000 đồng như bà T trình bày, ông V1 đồng ý liên đới cùng bà H trả lại cho bà T số tiền hụi đã đóng 22.450.000đồng.

Bà Phạm Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu theo đơn khởi kiện của bà T.

Ông Vạn Tứ Q trình bày: Ông là chồng của bà Lâm Thị Mỹ T, ông biết bà T có tham gia dây hụi vụ 5.000.000 đồng do bà H làm đầu thảo, bà T trực tiếp chơi hụi nhưng trong danh sách hụi bà H ghi tên Tí C là tên thường gọi ở nhà của ông Tứ Q. Tiền bà T đóng hụi là tài sản chung của vợ chồng. Ông thống nhất với ý kiến của bà T và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bà Đường Thị Ngọc T1 trình bày: Bà T1 có tham gia nhiều dây hụi do bà H làm đầu thảo. Bà T1 xác nhận bà T có tham gia 01 dây hụi vụ 5.000.000 đồng chung với bà, bà T có xin bà danh sách hụi, tên bà T bà H ghi là Tí C và số tiền bà T yêu cầu là đúng với sổ sách ghi chép của bà. Mỗi lần đóng hụi cho bà H thì bà T1 đều ghi vào cuốn sổ riêng để theo dõi chính xác số tiền hụi đã đóng.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Văn V1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng

theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị H chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2024, bà Lâm Thị Mỹ T yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H trả số tiền hội ông đã đóng hội là 22.800.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/6/2024, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng có điều chỉnh lại số tiền: yêu cầu ông V1, bà H trả số tiền 22.450.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V1 đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1, bà H trả 22.450.000 đồng tiền hội đã đóng thấy rằng có căn cứ về việc bà T có tham gia dây hội vụ 5.000.000 đồng, bắt đầu khai vụ đông xuân 2020, gồm 15 phần. Tên trong danh sách hội lấy tên chồng bà T là T2 Chuột đây là tên thường gọi ở nhà của chồng bà T, người trực tiếp tham gia chơi hội và đóng hội là bà T. Đóng được 8 lần với số tiền 22.450.000 đồng.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì cách thức tham gia hội do bà Phạm Thị H làm thảo hội không lập thành văn bản, khi bỏ thăm hốt hội, đóng hội cũng không có ký tên; bà H chỉ lập danh sách thành viên tham gia dây hội và thông báo đến các hội viên về số lượng thành viên tham gia, số phần trong dây hội, số tiền cần đóng, các hội viên không cần trực tiếp tham gia bỏ hội với nhau mà tất cả các thông tin đều do bà H điện thoại thông báo. Đôi chiếu sổ hội do bà H lập và lời trình bày của người làm chứng (bà T1) cùng tham gia chung dây hội với nguyên đơn nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn V1: Ông V1 là chồng bà H, thời gian bà H làm chủ thảo hội thì giữa ông V1 và bà H vẫn còn là hôn nhân hợp pháp. Việc bà H làm thảo hội ông V1 có biết và ông cũng biết bà T và ông Q có tham gia hội do vợ ông làm đầu thảo. Trước yêu cầu của nguyên đơn, ông V1 đồng ý cùng bà H trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1 trả nợ cùng bà H là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 471 của BLDS năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biên, phường đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hụi”. Bị đơn Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H cư trú tại ấp X, xã V, huyện V nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Lâm Thị Mỹ T yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H liên đới trả lại tiền hụi đã đóng là 22.800.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông V1 và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 22.450.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Xét thấy việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu là quyền tự định đoạt của đương sự và nằm trong phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ T khởi kiện ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H và cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm danh sách hụi, bảng kê số tiền hụi đã đóng, phù hợp với sổ hụi của bà H, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như sự thừa nhận của ông Nguyễn Văn V1. Theo đó thể hiện số tiền hụi bà Lâm Thị Mỹ T đã đóng cho bà Phạm Thị H là 22.450.000 đồng.

[3.3] Xét thấy, việc tổ chức chơi hụi chỉ theo tập quán ở địa phương và dựa vào niềm tin, việc tham gia hụi, giao tiền đóng hụi không thể hiện bằng biên nhận hay văn bản rõ ràng mà chỉ nói miệng với nhau hoặc tự ghi sổ theo dõi, tuy nhiên số tiền hụi nguyên đơn đã đóng cho bà H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, bà H là đầu thảo tự ý ngưng khai hụi nên hụi viên yêu cầu trả lại tiền hụi đã đóng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.4] Về thực hiện nghĩa vụ liên đới: Do bà H và ông V1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, quá trình bà H làm đầu thảo nhiều dây hụi thì ông V1 đều biết và bà H sử dụng tiền hoa hồng của chủ thảo để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên việc nguyên đơn yêu cầu ông V1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả lại tiền hụi là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.5] Về tiền lãi: Do bà T không yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày

19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Tranh chấp về hội với bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1.

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị Mỹ T số tiền 22.450.000đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 phải liên đới chịu 1.123.000 đồng (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Lâm Thị Mỹ T 570.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0002441 ngày 17/01/2024.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Yến Linh**